

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST
Ngày: 02 – 7 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đắc Liệt

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoài D - sinh năm 1940; địa chỉ: 124/39 B, phường X, thành phố V, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tú A- sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: 117/6 H, phường X, thành phố V, tỉnh B; hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M – sinh năm 1949; địa chỉ: 124/39 B, phường X, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 – 5 – 2020 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – ông Lê Hoài D trình bày:

Ngày 26 – 4 – 2012, bà Nguyễn Thị Tú A có mua của ông D 04 cái giường với số tiền là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng). Bà Tú A đã trả cho ông D 4.000.000đ (bốn triệu đồng), còn nợ lại 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Ngày 07 – 11 – 2016, bà Tú A vay tiếp của ông D 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Tổng cả hai lần trên thì bà Tú A nợ của ông D 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng). Tính đến tháng 11 năm 2017, bà Tú A đã trả được 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng) và còn nợ của ông D 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ngày 22 – 11 – 2017, bà Tú A vay tiếp của ông D 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và bà Tú A có viết Giấy mượn tiền với tổng số tiền nợ cũ và mới là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay là ba đến sáu tháng, lãi suất bà Tú A trả theo thỏa thuận.

Tuy nhiên, quá thời hạn bà Tú A vẫn không thanh toán nợ cho ông D. Vì vậy, ông D khởi kiện buộc bà Tú A phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc và lãi là 56.500.000đ (năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Tú A phải trả tiền lãi suất vì bà Tú A đang phải chấp hành án phạt tù, không có khả năng thi hành án. Số tiền cho bà Tú A vay là tiền chung của vợ chồng ông D bà M nên bà Tú A phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông D số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 09 – 6 – 2020, bị đơn – bà Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Ngày 22 – 11 – 2017, bà Tú A có vay của ông Lê Hoài D số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), vay nhiều lần như ông D trình bày. Khi vay bà Tú A có viết giấy mượn tiền với nội dung là vay của ông D 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là ba đến sáu tháng, lãi suất theo thỏa thuận là 3%/tháng. Trong quá trình vay, bà Tú A chưa thanh toán tiền nợ gốc cho ông D nhưng vẫn trả tiền lãi đúng hạn, bà Tú A trả tiền lãi đến hết năm 2018. Từ tháng 01 năm 2019, bà Tú A không có khả năng thanh toán nữa. Nay bà Tú A xác nhận còn nợ ông D số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này cho ông D.

Số tiền này chỉ một mình bà Tú A vay, không liên quan đến ai cả, bà đã ly hôn năm 2016.

Tại bản tự khai ngày 12 – 6 – 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị M trình bày:

Bà M và ông D là vợ chồng. Số tiền ông D cho bà Tú A vay là tiền chung của vợ chồng nên bà Tú A phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Lê Hoài D thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn – bà Nguyễn Thị Tú Acó nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị Tú Anh, bà Trần Thị M tại phiên tòa thì thấy: Bà Tú A và bà M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M và bà Tú A.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Lê Hoài D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tú A phải thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo ông D và bà Tú A xác nhận: Ngày 22 – 11 – 2017, bà Tú A có viết giấy mượn tiền với nội dung có vay của ông D 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ba đến sáu tháng, lãi suất trả vào ngày vay là ngày 22 hàng tháng. Như vậy, giữa ông D và bà Tú A có quan hệ vay tiền là có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay và thanh toán nợ: Theo bà Tú A thì bà Tú A mới chỉ thanh toán cho ông D tiền lãi suất đến hết năm 2018 và chưa thanh toán nợ gốc nên bà Tú A đồng ý thanh toán số tiền này cho ông D.

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 22 – 11 – 2017, thì thời hạn vay là ba đến sáu tháng nhưng quá thời hạn trên mà bà Tú A không thanh toán được nợ nên ông D khởi kiện yêu cầu bà Tú A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự. Ông D và bà M xác định số tiền cho bà Tú A vay là tài sản chung của vợ chồng nên bà Tú A phải thanh toán số tiền trên cho vợ chồng ông D và bà M.

Về tiền lãi suất: Ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Tú A phải nộp tiền án phí là phù hợp, bà Tú A phải nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài D.

Bà Nguyễn Thị Tú A còn nợ ông Lê Hoài D, bà Trần Thị M số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Bà Tú A có trách nhiệm thanh toán cho ông D, bà M số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Tú A phải nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

[3] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Lợi

